

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy trình kiểm toán doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Theo đề nghị của Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VI, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm toán doanh nghiệp.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/2010/QĐ-KTNN ngày 27/01/2010 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán Doanh nghiệp nhà nước.**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC****Đinh Tiến Dũng**

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-KTNN
ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy trình kiểm toán doanh nghiệp quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các công việc của cuộc kiểm toán doanh nghiệp, bao gồm các bước:

- a) Chuẩn bị kiểm toán;
- b) Thực hiện kiểm toán;
- c) Lập và gửi báo cáo kiểm toán;
- d) Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

2. Quy trình này áp dụng cho các cuộc kiểm toán doanh nghiệp do Kiểm toán Nhà nước thực hiện và các doanh nghiệp được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán.

Đối với doanh nghiệp là ngân hàng thương mại nhà nước, tổ chức tài chính, tín dụng Nhà nước áp dụng Quy trình kiểm toán Các tổ chức tài chính, ngân hàng của Kiểm toán Nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng và lĩnh vực khác có thụ hưởng NSNN, thì riêng phần NSNN cấp cho các doanh nghiệp này việc thực hiện kiểm toán theo Quy trình kiểm toán NSNN của Kiểm toán Nhà nước.

Đối với các doanh nghiệp có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư thực hiện của dự án đầu tư xây dựng việc thực hiện theo kiểm toán theo Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 2. Yêu cầu đối với Đoàn kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán doanh nghiệp

1. Khi thực hiện kiểm toán doanh nghiệp, Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương I Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm Nhà nước và các quy định tại Quy trình này.

2. Các thông tin về nội dung kiểm toán, kết quả thu thập thông tin khi thực hiện kiểm toán, kết quả kiểm toán phải được các thành viên Đoàn kiểm toán ghi chép đầy đủ, trung thực, kịp thời theo Hệ thống mẫu biểu, hồ sơ kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Hồ sơ kiểm toán được sắp xếp theo trình tự thời gian phát sinh công việc, phù hợp với nhiệm vụ phân công và thời gian thực hiện hoạt động kiểm toán phản ánh trên kế hoạch kiểm toán của tổ và đoàn kiểm toán.

3. Việc ghi chép phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Nội dung ghi chép:

- Nội dung kiểm toán thực hiện; mục tiêu; phạm vi; thời gian; kết quả kiểm toán và các tham chiếu;

- Ghi chép các vấn đề trọng yếu;

- Ghi chép các hợp đồng quan trọng;

- Ghi chép các hạng mục, nội dung được kiểm tra.

b) Các yêu cầu đặc biệt khi ghi chép

- Tuân thủ quy trình kiểm toán và các quy định khác về chuyên môn, nghiệp vụ của Kiểm toán Nhà nước;

- Ghi chép một lần và ghi chép bổ sung.

c) Hệ thống tham chiếu

Là hệ thống giúp kết nối các ghi chép, bằng chứng kiểm toán khác nhau một cách khoa học và thống nhất nhằm tăng chất lượng của việc ghi chép kiểm toán và hỗ trợ cho quá trình rà soát, kiểm tra chất lượng kiểm toán.

Điều 3. Loại hình kiểm toán

Quy trình này áp dụng cho cuộc kiểm toán BCTC, cuộc kiểm toán lồng ghép giữa kiểm toán BCTC với kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Quy trình này quy định những bước công việc thực hiện kiểm toán chung nhất, có tính nguyên tắc. Đối với các loại hình doanh nghiệp khác nhau như doanh nghiệp công nghiệp, doanh nghiệp khai khoáng, doanh nghiệp nông lâm, doanh nghiệp thương mại v.v...thì tùy theo từng loại hình áp dụng cho phù hợp.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán được hiểu là các doanh nghiệp trong đó Nhà nước chiếm cổ phần, vốn góp chi phối hoặc có quyền kiểm soát và các doanh nghiệp khác do các cơ quan có thẩm quyền đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính doanh nghiệp gồm: Báo cáo tài chính của từng doanh nghiệp lập theo phương pháp giá gốc; báo cáo tài chính tổng hợp của tổng công ty; báo cáo tài chính hợp nhất lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu của công ty mẹ - tập đoàn.

Chương II CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Mục 1 KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 6. Thông tin cần khảo sát, thu thập

1. Thông tin về hoạt động và lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp; thông tin cụ thể cần thu thập thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Thông tin về tình hình tài chính và thông tin có liên quan khác thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3. Thông tin phục vụ kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động:

a) Thông tin cơ bản liên quan đến hệ thống văn bản pháp luật, nội quy, quy chế mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện phục vụ cho công tác kiểm toán tuân thủ như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, các văn bản pháp luật thuế, tài chính kế toán... áp dụng chung cho các doanh nghiệp; Luật Dầu khí, Luật Điện lực..., chiến lược phát triển, kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, chương trình thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ...;

b) Thông tin chủ yếu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp có thể sử dụng cho việc kiểm tra, đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp như: Chiến lược, kế hoạch, mục tiêu cần đạt được; kết quả hoạt động SXKD, so sánh với năm trước; cơ cấu của kết quả SXKD...;

4. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 7. Phương pháp thu thập thông tin

1. Phương pháp thu thập thông tin cụ thể thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Kiểm toán viên phải nghiên cứu và thu thập các tài liệu lưu trữ của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến đơn vị được kiểm toán và thu thập, bổ sung các thông tin cho phù hợp mục tiêu và nội dung kiểm toán.

Mục 2

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN

Điều 8. Mục đích phân tích, đánh giá

1. Phân tích các thông tin đã thu thập được để đánh giá thực trạng tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được kiểm toán, theo đó phân tích, đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị.

2. Phân tích thông tin để xác định được các khía cạnh trọng yếu kiểm toán; dự kiến mức độ rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát để lựa chọn mức rủi ro phát hiện phù hợp.

3. Phân tích, đánh giá và xử lý thông tin để dự kiến sắp xếp nhân sự, bố trí thời gian kiểm toán, lựa chọn phương pháp kiểm toán và mẫu kiểm toán phù hợp,... khi xây dựng kế hoạch kiểm toán nhằm đáp ứng mục tiêu, nội dung kiểm toán đã xác định, đồng thời đảm bảo tiết kiệm chi phí, thời gian và nhân lực cho cuộc kiểm toán.

Điều 9. Đánh giá Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Những nội dung chính trong nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ gồm:

- a) Nghiên cứu, đánh giá về môi trường kiểm soát; hệ thống kế toán và thông tin kinh tế; các thủ tục kiểm soát đối với các hoạt động của đơn vị;
- b) Thu thập các thông tin từ các tài liệu, từ các nhân viên quản lý và quan sát trực tiếp các hoạt động của các bộ phận trong đơn vị để đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị;
- c) Phân tích, đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị để xác định những bộ phận, những nội dung trọng yếu cần kiểm toán và xác định rủi ro kiểm soát.

2. Thực hiện nghiên cứu, đánh giá theo các nội dung trên, bộ phận lập kế hoạch kiểm toán phải rút ra nhận xét, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ theo các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ:

- a) Môi trường kiểm soát chung: Hệ thống văn bản pháp quy, các quy chế quy trình quản lý có đầy đủ và hiệu lực không. Năng lực của lãnh đạo đơn vị và bộ máy quản lý, điều hành có đảm bảo yêu cầu quản lý hay không;
- b) Các thủ tục kiểm soát có được đặt ra và được tuân thủ nghiêm túc không;
- c) Bộ máy thực hiện chức năng kiểm soát độc lập (kiểm toán, thanh tra nội bộ) có được tổ chức và hoạt động hiệu quả hay không;
- d) Những mặt mạnh, mặt yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc lập kế hoạch kiểm toán.

3. Trường hợp kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn, báo cáo tài chính tổng hợp của tổng công ty, phải xem xét thêm các quan hệ, cơ chế kiểm soát của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các công ty thuộc và trực thuộc.

Mục 3**XÁC ĐỊNH TRỌNG TÂM, TRỌNG YẾU VÀ RỦI RO KIỂM TOÁN****Điều 10. Trọng tâm kiểm toán**

Trên cơ sở mục tiêu, nội dung kiểm toán đối với lĩnh vực doanh nghiệp theo hướng dẫn của Kiểm toán Nhà nước, sau khi phân tích, đánh giá thực trạng quản lý và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, căn cứ vào mục tiêu kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước hàng năm bộ phận lập kế hoạch kiểm toán phải xác định những mục tiêu, nội dung trọng tâm của cuộc kiểm toán, gắn với thực tế hoạt động của doanh nghiệp.